

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
VIỆN SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT**

Tên đề tài:

**Nghiên cứu sự đa dạng và đặc điểm phân bố của khu hệ
ếch nhái ở Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai**

Tóm tắt:

LUẬN VĂN THẠC SĨ SINH HỌC

Khóa: 16

Chuyên ngành: Động vật học

Mã số: 60420103

Người thực hiện: Hoàng Văn Chung

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Quảng Trường

Hà Nội – 12/2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
VIỆN SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT**

Tên đề tài:

**Nghiên cứu sự đa dạng và đặc điểm phân bố của khu hệ
ếch nhái ở Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai**

Tóm tắt:

LUẬN VĂN THẠC SĨ SINH HỌC

Người thực hiện: Hoàng Văn Chung

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Quảng Trường

Hà Nội – 12/2014

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| MỤC LỤC..... | 1 |
| DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT | 4 |
| MỞ ĐẦU | 5 |
| Mục tiêu nghiên cứu..... | 6 |
| Nội dung nghiên cứu..... | 7 |
| CHƯƠNG I: TỔNG QUAN TÀI LIỆU | 8 |
| 1.1. Sơ lược về lịch sử nghiên cứu về đa dạng các loài ếch nhái ở Việt Nam | 8 |
| 1.2. Một số nghiên cứu về ếch nhái ở khu vực Tây Nguyên và VQG Kon Ka Kinh | 10 |
| CHƯƠNG II. NGUYÊN LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU | 13 |
| 2.1. Thời gian và địa điểm khảo sát..... | 11 |
| 2.2. Phương pháp nghiên cứu..... | 16 |
| CHƯƠNG III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN..... | 21 |
| 3.1. Thành phần loài ếch nhái ở VQG Kon Ka Kinh..... | 21 |
| 3.2. Sự đa dạng về thành phần loài và đặc điểm phân bố của các loài ếch nhái ở VQG KKK | 86 |
| 3.3. Các loài ếch nhái quý hiếm và đặc hữu | 88 |
| 3.4. So sánh sự tương đồng về thành phần loài ếch nhái của khu vực nghiên cứu với một số khu bảo tồn có dạng sinh cảnh tương tự | 90 |
| 3.5. Các vấn đề liên quan đến bảo tồn | 92 |
| KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ | 95 |
| 1.Kết luận | 95 |
| 2.Kiến nghị..... | 95 |
| CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN VĂN | 96 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 97 |

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|-----------------------------|----------------------------------|
| et al. (tài liệu tiếng Anh) | cộng sự |
| cs. (tài liệu tiếng Việt) | |
| KBTTN | Khu Bảo tồn thiên nhiên |
| VQG | Vườn Quốc gia |
| KKK | Kon Ka Kinh |
| GL | Gia Lai |
| CMR | Chư Mom Rây |
| CYS | Chư Yang Sin |
| CP | Chư Prông |
| NL_KT | KBTTN Ngọc Linh (tỉnh Kon Tum) |
| NL_QN | KBTTN Ngọc Linh (tỉnh Quảng Nam) |
| Nxb | Nhà xuất bản |
| Tr. | Trang |

MỞ ĐẦU

Việt Nam là một trong những nước có khu hệ ếch nhái đa dạng nhất trên thế giới với hơn 200 loài ếch nhái hiện được ghi nhận (Nguyen et al. 2009, Frost 2014). Năm 1996, Nguyễn Văn Sáng và Hồ Thu Cúc ghi nhận 82 loài, số lượng loài tăng lên gấp đôi (162) vào năm 2005 (Nguyễn Văn Sáng và cs. 2005) và lên tới 177 loài vào năm 2009 theo tài liệu của Nguyen et al. (2009). Chỉ tính riêng trong 5 năm trở lại đây, có tới 31 loài ếch nhái mới được công bố với mẫu chuẩn thu ở Việt Nam gồm: *Leptolalax applebyi* Rowley & Cao, 2009; *Odorrana geminata* Bain, Stuart, Nguyen, Che & Rao, 2009; *Theloderma lateriticum* Bain, Nguyen & Doan, 2009; *Leptolalax croceus* Rowley, Hoang, Le, Dau & Cao, 2010; *Rhacophorus vampyrus* Rowley, Le, Tran, Stuart & Hoang, 2010; *Gracixalus quangii* Rowley, Dau, Nguyen, Cao & Nguyen, 2011; *Theloderma nebulosum* Rowley, Le, Hoang, Dau & Cao, 2011; *Theloderma palliatum* Rowley, Le, Hoang, Dau & Cao, 2011; *Gracixalus waza* Nguyen, Le, Pham, Nguyen, Bonkowski & Ziegler, 2012; *Ichthyophis nguyenorum* Nishikawa, Matsui & Orlov, 2012; *Rhacophorus helenae* Rowley, Tran, Hoang & Le, 2012; *Rhacophorus robertingeri* Orlov, Poyarkov, Vassilieva, Ananjeva, Nguyen, Nguyen & Geissler, 2012; *Theloderma bambusicolum* Orlov, Poyarkov, Vassilieva, Ananjeva, Nguyen, Nguyen & Geissler, 2012; *Tylototriton zieglerei* Nishikawa, Matsui & Nguyen 2013; *Oreolalax sterlingae* Nguyen, Phung, Le, Ziegler & Böhme, 2013; *Rhacophorus larissae* Ostroshabov, Orlov & Nguyen, 2013; *Rhacophorus viridimaculatus* Ostroshabov, Orlov & Nguyen, 2013; *Liuixalus calcarius* Milto, Poyarkov, Orlov & Nguyen, 2013; *Philautus catbaensis* Milto, Poyarkov, Orlov & Nguyen, 2013; *Leptolalax botsfordi* Rowley, Dau, Nguyen, 2013; *Kaloula indochinensis* Chan, Blackburn, Murphy, Stuart, Emmett, Ho & Brown, 2013; *Kalophrynus honbaensis*

Vassilieva, Galoyan, Gogoleva & Poyarkov, 2014; *K. criptophonus* Vassilieva, Galoyan, Gogoleva & Poyarkov, 2014; *Gracixalus lumarius* Rowley, Le, Dau, Hoang & Cao, 2014; *Kurixalus viridescens* Nguyen, Matsui & Hoang, 2014; *Liuixalus catbaensis* Nguyen, Matsui, Yoshikawa, 2014; và 5 loài nhái bầu *Microhyla pineticola*, *M. pulchella*, *M. minuta*, *M. darevskii*, *M. arboricola* cùng được công bố bởi Poyarkov, Vassilieva, Orlov, Galoyan, Dao, Le, Kretova & Geissler, 2014. Ngoài ra, có 2 giống mới ghi nhận cho Việt Nam là *Oreolalax* và *Liuixalus* (Nguyen et al. 2013, Milto et al. 2013). Số lượng loài tăng lên nhanh chóng và những khám phá mới liên tục được công bố chứng tỏ khu hệ ếch nhái của Việt Nam rất đa dạng và cần tiếp tục được nghiên cứu kỹ lưỡng hơn.

Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh nằm trên cao nguyên Kon Tum thuộc tỉnh Gia Lai, có diện tích rừng tự nhiên tương đối lớn nên có tiềm năng đa dạng sinh học cao. Tuy nhiên, các công trình công bố về đa dạng sinh học vẫn còn ít, đặc biệt là các loài bò sát ếch nhái. Theo Nguyễn Văn Sáng (1999) đã ghi nhận được 22 loài ếch nhái trong báo cáo xây dựng luận chứng kinh tế kỹ thuật thành lập KBTTN Kon Ka Kinh.

Vì vậy, để góp phần đánh giá giá trị đa dạng sinh học làm cơ sở cho công tác quy hoạch bảo tồn của Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, tôi chọn đề tài **“Nghiên cứu sự đa dạng và đặc điểm phân bố của khu hệ ếch nhái ở Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai”**.

Mục tiêu nghiên cứu

+ Đánh giá sự đa dạng các loài ếch nhái ở VQG Kon Ka Kinh, chú ý phát hiện mới về phân bố của các loài ếch nhái ở khu vực nghiên cứu.

+ Phân tích đặc điểm phân bố của khu hệ ếch nhái theo sinh cảnh ở VQG Kon Ka Kinh và so sánh thành phần loài của khu vực nghiên cứu với các khu bảo tồn lân cận.

+ Đánh giá giá trị bảo tồn của khu hệ ếch nhái của VQG Kon Ka Kinh.

Nội dung nghiên cứu

+ Đánh giá đa dạng về thành phần loài ếch nhái:

- Lập danh sách loài ếch nhái, xác định các loài chiếm ưu thế về số lượng cá thể trong khu vực nghiên cứu.
- Ghi nhận bổ sung các loài ếch nhái cho VQG Kon Ka Kinh và tỉnh Gia Lai.

+ Đánh giá đặc điểm phân bố của các loài ếch nhái:

- Đánh giá phân bố theo các dạng sinh cảnh sống.
- So sánh sự tương đồng về thành phần loài ếch nhái giữa VQG Kon Ka Kinh với các khu bảo tồn lân cận.

+ Đánh giá giá trị bảo tồn của khu hệ ếch nhái:

- Theo tiêu chí số loài đặc hữu và bị đe dọa.
- Theo tiêu chí sự đa dạng loài.

+ Xác định các nhân tố đe dọa đến sinh cảnh sống và các quần thể của các loài ếch nhái ở khu vực nghiên cứu thông qua quan sát trực tiếp và phỏng vấn các nhà quản lý và người dân địa phương.

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN TÀI LIỆU

1.1. Sơ lược về lịch sử nghiên cứu về đa dạng các loài ếch nhái ở Việt Nam

Theo Nguyễn Văn Sáng và cs. (2009), lịch sử nghiên cứu ếch nhái bò sát ở Việt Nam có thể chia ra bốn thời kỳ: thời kỳ thứ nhất từ năm 1954 trở về trước; thời kỳ thứ hai từ năm 1954 đến năm 1975; thời kỳ thứ ba từ năm 1976 đến năm 1987 và thời kỳ thứ tư từ năm 1988 đến nay.

1.1.1. Thời kỳ thứ nhất

Danh y Tuệ Tĩnh (thế kỷ XVII) là người đầu tiên đã thống kê được 16 vị thuốc có nguồn gốc từ ếch nhái bò sát trong số 498 vị thuốc nam dùng chữa bệnh (Tuệ Tĩnh, bản in lại 1972).

Sang đến đầu thế kỷ XX, các công trình nghiên cứu nổi bật nhất về khu hệ bò sát và ếch nhái ở khu vực Đông Dương (Việt Nam, Lào, Campuchia) là của Bourret được xuất bản trong khoảng thời gian từ năm 1924 đến năm 1944.

Theo Nguyễn Văn Sáng và cs. (2009), từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX có 84 loài mới về ếch nhái và bò sát đã được mô tả với mẫu chuẩn thu được ở Việt Nam.

1.1.2. Thời kỳ thứ hai

Giai đoạn 1968–1970: Viện nghiên cứu Khoa học tự nhiên thuộc Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước đã tiến hành điều tra ở nhiều tỉnh như:

Hà Bắc, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hà Tĩnh. Thời kì này các nhà khoa học Việt Nam đã thống kê ở Miền Bắc Việt Nam có 69 loài ếch nhái.

1.1.3. Thời kỳ thứ ba

Thời kỳ này những nghiên cứu thường tập trung thống kê thành phần loài của một vùng hay một khu vực. Ngoài ra có một số nghiên cứu về sinh thái, sinh học của một số loài có giá trị kinh tế.

Ở Miền Bắc, từ năm 1975 công tác điều tra ếch nhái được tiến hành ở các nhiều tỉnh như: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Tĩnh...

Năm 1977, Đào Văn Tiến đã công bố khóa định loại 87 loài ếch nhái trong bài báo “*Về định loại ếch nhái Việt Nam*”.

1.1.4. Thời kỳ thứ tư

Đây là thời kỳ các nghiên cứu ếch nhái nước ta được thực hiện bởi nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước. Từ năm 1995 trở lại đây có nhiều công trình công bố của các tác giả: Đinh Thị Phương Anh, Hồ Thu Cúc, Ngô Đắc Chứng, Lê Nguyên Ngật, Hoàng Xuân Quang, Nguyễn Văn Sáng, Nguyễn Quảng Trường... Lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu tập trung vào phân loại học và thống kê danh sách loài ở các địa điểm khác nhau. Có một số nghiên cứu về sinh thái học và nhân nuôi một số loài có giá trị kinh tế, khoa học được thực hiện bởi các nghiên cứu sinh. Ngoài ra những nghiên cứu có liên quan đến sinh học phân tử và tiến hóa; sinh học, sinh thái; ký sinh trùng và bệnh học cũng được đề cập đến trong một số sách chuyên khảo và bài báo khoa học.

Một số công trình tiêu biểu theo hướng đa dạng khu hệ ếch nhái ở Việt Nam như:

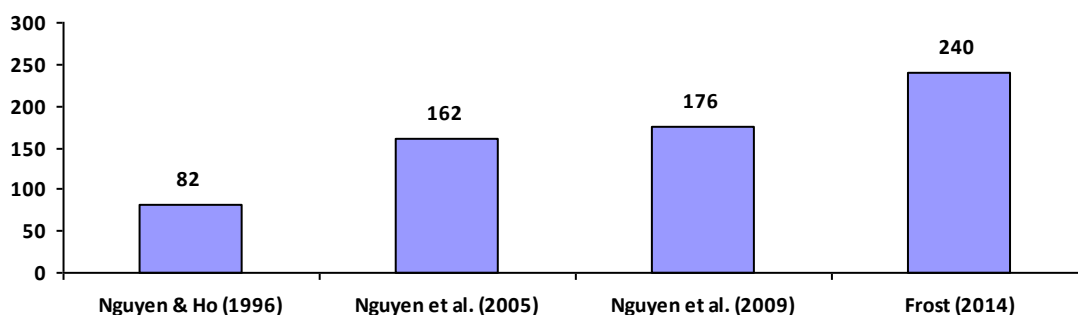
Năm 1996, Nguyễn Văn Sáng và Hồ Thu Cúc đã xuất bản cuốn “*Danh lục bò sát và ếch nhái Việt Nam*” ghi nhận 82 loài ếch nhái ở Việt Nam.

Năm 1999, nghiên cứu tổng quan về ếch nhái của tác giả Hồ Thu Cúc đã thống kê được 100 loài ếch nhái ở Việt Nam.

Năm 2005, Nguyễn Văn Sáng và cs. đã thống kê trong “*Danh lục ếch nhái và bò sát Việt Nam*” có 162 loài ếch nhái thuộc 9 họ, 3 bộ.

Nguyen et al. (2009) đã thống kê được 176 loài ếch nhái thuộc 10 họ, 3 bộ ở Việt Nam.

Ngoài ra còn có rất nhiều công trình cung cấp danh mục các loài ếch nhái ở các khu bảo tồn hoặc các tỉnh được công bố trong thời gian gần đây.



Hình 1: Sự đa dạng của khu hệ ếch nhái Việt Nam qua các thời kì (1977-2012)

1.2. Một số nghiên cứu về ếch nhái ở khu vực Tây Nguyên và VQG Kon Ka Kinh

Ở khu vực Tây Nguyên:

Ở VQG Chư Yang Sin, Đắk Lắk: Ross Hughes và Lê Trọng Trãi (2010) đã ghi nhận 54 loài ếch nhái.